

**CÔNG TY TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN
MỘT THÀNH VIÊN XỔ SỐ KIẾN THIẾT
KIÊN GIANG**

Báo cáo tài chính tổng hợp đã được kiểm toán
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024



MỤC LỤC

	Trang
BÁO CÁO CỦA CHỦ TỊCH CÔNG TY	1 – 2
BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP	3 - 4
BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN	
Bảng cân đối kế toán tổng hợp	5 - 8
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh tổng hợp	9 - 10
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ tổng hợp	11
Thuyết minh báo cáo tài chính tổng hợp	12 – 37

BÁO CÁO CỦA CHỦ TỊCH CÔNG TY

Chủ tịch Công ty Trách Nhiệm Hữu Hạn Một Thành Viên Xổ Sổ Kiến Thiết Kiên Giang (gọi tắt là "Công ty") hân hạnh đề trình báo cáo của mình cùng với Báo cáo tài chính tổng hợp đã được kiểm toán cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2024.

1. Thông tin chung

Công ty TNHH MTV Xổ sổ Kiến thiết Kiên Giang ("Công ty") là công ty TNHH một thành viên do UBND tỉnh Kiên Giang là cơ quan đại diện chủ sở hữu được chuyển đổi từ doanh nghiệp nhà nước và được thành lập theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp Công ty Trách nhiệm hữu hạn một thành viên số 1700110137 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Kiên Giang cấp ngày 30 tháng 12 năm 2009 với các lần thay đổi, thay đổi lần thứ 12 ngày 16 tháng 12 năm 2024 và phê duyệt mức vốn điều lệ theo Quyết định của UBND tỉnh Kiên Giang số 1881/QĐ-UBND ngày 28 tháng 07 năm 2021.

Trụ sở chính:

- Địa chỉ : Số 94 đường 3 tháng 2, Phường Vĩnh Thanh Vân, Thành phố Rạch Giá, Tỉnh Kiên Giang, Việt Nam
- Điện thoại : 0297.3871.000 - 386.2913
- Fax : 0297.3871.000 - 394.8818

Hoạt động kinh doanh của Công ty là:

- Kinh doanh xổ số kiến thiết (Mã ngành 9200);
- In ấn;
- Dịch vụ liên quan đến in ấn;
- Sao chép bản ghi các loại.

2. Chủ tịch Công ty, Ban Tổng Giám đốc và Ban Kiểm soát

Chủ tịch Công ty, Ban Tổng Giám đốc và Ban Kiểm soát trong năm tài chính và cho đến ngày lập báo cáo này là:

<u>Họ và tên</u>	<u>Chức vụ</u>	<u>Ngày bổ nhiệm/ tái bổ nhiệm</u>
Ông Trần Chí Hùng	Chủ tịch	05/12/2024
Ông Lâm Minh Đạo	Tổng Giám đốc	08/02/2021
Bà Nguyễn Ngọc Hòa	Phó Tổng Giám đốc	21/07/2022
Ông Lâm Thành Được	Phó Tổng Giám đốc	(Nghỉ hưu ngày 01/12/2024)
Ông Đỗ Chí Hiền	Phó Tổng Giám đốc	01/04/2022

Ban kiểm soát

<u>Họ và tên</u>	<u>Chức vụ</u>	<u>Ngày bổ nhiệm</u>
Ông Huỳnh Văn Ngà	Trưởng ban	17/03/2022
Bà Lâm Thanh Nhân	Thành viên	17/03/2022
Bà Đồng Thị Kim Ngân	Thành viên không chuyên trách	17/03/2022

Đại diện pháp luật

<u>Họ và tên</u>	<u>Chức vụ</u>	<u>Ngày bổ nhiệm</u>
Ông Lâm Minh Đạo	Tổng Giám đốc	08/02/2021

3. Đánh giá tình hình kinh doanh

Kết quả hoạt động kinh doanh tổng hợp của Công ty cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2024 và tình hình tài chính tổng hợp vào cùng ngày này được thể hiện trong Báo cáo tài chính tổng hợp đính kèm.

BÁO CÁO CỦA CHỦ TỊCH CÔNG TY

4. Các sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc năm tài chính

Không có sự kiện quan trọng nào xảy ra kể từ ngày kết thúc năm tài chính đưa đến yêu cầu phải điều chỉnh hoặc công bố trong Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp.

5. Kiểm toán viên

Công ty TNHH Kiểm toán AFC Việt Nam - Chi nhánh Cần Thơ được chỉ định là kiểm toán viên thực hiện kiểm toán Báo cáo tài chính tổng hợp cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2024.

6. Công bố trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc đối với Báo cáo tài chính tổng hợp

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập Báo cáo tài chính tổng hợp để phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh tổng hợp và lưu chuyển tiền tệ tổng hợp của Công ty trong năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2024. Trong việc lập Báo cáo tài chính tổng hợp này, Ban Tổng Giám đốc phải:

- Chọn lựa các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán.
- Thực hiện các xét đoán và các ước tính một cách hợp lý và thận trọng.
- Nêu rõ các chuẩn mực kế toán áp dụng cho Công ty có được tuân thủ hay không và tất cả các sai lệch trọng yếu đã được trình bày và giải thích trong Báo cáo tài chính tổng hợp.
- Lập Báo cáo tài chính tổng hợp trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động liên tục.
- Thiết lập và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu nhằm hạn chế rủi ro có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính tổng hợp.

Ban Tổng Giám đốc đảm bảo các sổ kế toán có liên quan được lưu giữ đầy đủ để phản ánh tình hình tài chính, tình hình hoạt động của Công ty với mức độ chính xác hợp lý tại bất kỳ thời điểm nào và các sổ kế toán tuân thủ chế độ kế toán áp dụng. Ban Tổng Giám đốc cũng chịu trách nhiệm quản lý các tài sản của Công ty và do đó đã thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính tổng hợp.

Ban Tổng Giám đốc cam kết đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính tổng hợp.

7. Phê duyệt các báo cáo tài chính tổng hợp

Chủ tịch Công ty phê duyệt các Báo cáo tài chính tổng hợp đính kèm. Báo cáo tài chính tổng hợp này phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty vào ngày 31 tháng 12 năm 2024, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh tổng hợp và các luồng lưu chuyển tiền tệ tổng hợp cho năm tài chính kết thúc vào cùng ngày, được lập phù hợp với các chuẩn mực kế toán Việt Nam, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính tổng hợp.

Ông TRẦN CHÍ HÙNG

Chủ tịch

Kiên Giang, ngày 06 tháng 02 năm 2025





Số: 053.ĐC/2025/BCKT-CT.00248

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Kính gửi: **Chủ tịch và Ban Tổng Giám đốc**

CÔNG TY TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN MỘT THÀNH VIÊN XỔ SỐ KIẾN THIẾT KIÊN GIANG

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính tổng hợp kèm theo của Công ty Trách Nhiệm Hữu Hạn Một Thành Viên Xổ Số Kiến Thiết Kiên Giang (gọi tắt là Công ty), được lập ngày 05 tháng 02 năm 2025 từ trang 5 đến trang 37 bao gồm Bảng cân đối kế toán tổng hợp tại ngày 31 tháng 12 năm 2024, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh tổng hợp, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ tổng hợp cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính tổng hợp theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính tổng hợp và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo việc lập và trình bày Báo cáo tài chính tổng hợp không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính tổng hợp dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính tổng hợp của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính tổng hợp. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính tổng hợp do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính tổng hợp trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính tổng hợp.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, chúng tôi không thấy có vấn đề gì khiến chúng tôi cho rằng báo cáo tài chính tổng hợp đính kèm không phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty Trách Nhiệm Hữu Hạn Một Thành Viên Xổ Số Kiến Thiết Kiên Giang tại ngày 31 tháng 12 năm 2024, kết quả hoạt động kinh doanh tổng hợp và lưu chuyển tiền tệ tổng hợp của Công ty cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính tổng hợp.

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP (tiếp theo)

Vấn đề khác

Báo cáo kiểm toán này thay thế báo cáo kiểm toán số 053/2025/BCKT-CT.00248 đã phát hành ngày 20 tháng 01 năm 2025 theo đề nghị công văn số 21/KT-XSKT ngày 05 tháng 02 năm 2025 của Công ty Trách nhiệm hữu hạn Một Thành viên Xổ số Kiến Thiết Kiên Giang yêu cầu điều chỉnh lại số trích lập Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn được trích trong năm 2024 trong thuyết minh báo cáo tài chính năm 2024.



TRANG ĐÁC NHA

Giám đốc

Số Giấy CN ĐKHN kiểm toán: 2111-2023-009-1

CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN AFC VIỆT NAM - CHI NHANH CẦN THƠ

Thành phố Cần Thơ, ngày 06 tháng 02 năm 2025

LÂM HOÀI NHÂN

Kiểm toán viên

Số Giấy CN ĐKHN kiểm toán: 5907-2023-009-1



BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN TỔNG HỢP

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2024

	Mã số	Thuyết minh	31/12/2024 VND	01/01/2024 VND
TÀI SẢN				
TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		1.540.820.808.371	1.587.239.671.760
Tiền và các khoản tương đương tiền	110	5.1	928.468.764.873	947.567.727.925
Tiền	111		311.242.764.873	947.567.727.925
Các khoản tương đương tiền	112		617.226.000.000	-
Đầu tư tài chính ngắn hạn	120	5.2.1	372.957.000.001	343.455.231.766
Đầu tư ngắn hạn	121		372.957.000.001	343.455.231.766
Dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn	129		-	-
Các khoản phải thu ngắn hạn	130		228.232.526.400	285.262.125.330
Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	5.3	224.327.943.786	284.564.953.080
Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	5.4	145.700.000	145.700.000
Phải thu nội bộ ngắn hạn	133		-	-
Phải thu ngắn hạn khác	135	5.5	4.037.090.654	746.217.878
Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	139		(278.208.040)	(194.745.628)
Hàng tồn kho	140		10.761.502.384	10.368.750.246
Hàng tồn kho	141	5.6	10.761.502.384	10.368.750.246
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		-	-
Tài sản ngắn hạn khác	150		401.014.713	585.836.493
Chi phí trả trước ngắn hạn	151	5.7.1	401.014.713	585.836.493
Thuế GTGT được khấu trừ	152		-	-
Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	154		-	-
Tài sản ngắn hạn khác	158		-	-

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN TỔNG HỢP

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2024

	Mã số	Thuyết minh	31/12/2024 VND	01/01/2024 VND
TÀI SẢN				
TÀI SẢN DÀI HẠN	200		170.872.535.356	181.144.550.666
Các khoản phải thu dài hạn	210		-	-
Phải thu dài hạn của khách hàng	211		-	-
Vốn kinh doanh ở đơn vị trực thuộc	212		-	-
Phải thu nội bộ dài hạn	213		-	-
Phải thu dài hạn khác	218		-	-
Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi	219		-	-
Tài sản cố định	220		142.296.376.331	150.728.084.851
Tài sản cố định hữu hình	221	5.8	113.156.120.331	120.917.136.851
Nguyên giá	222		229.625.950.060	229.625.950.060
Giá trị hao mòn lũy kế	223		(116.469.829.729)	(108.708.813.209)
Tài sản cố định thuê tài chính	224		-	-
Nguyên giá	225		-	-
Giá trị hao mòn lũy kế	226		-	-
Tài sản cố định vô hình	227	5.9	29.140.256.000	29.810.948.000
Nguyên giá	228		36.697.466.000	36.697.466.000
Giá trị hao mòn lũy kế	229		(7.557.210.000)	(6.886.518.000)
Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	230		-	-
Bất động sản đầu tư	240		-	-
Nguyên giá	241		-	-
Giá trị hao mòn lũy kế	242		-	-
Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	250	5.2.2	28.548.885.241	30.292.822.392
Đầu tư vào công ty con	251		-	-
Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh	252		13.500.000.000	13.500.000.000
Đầu tư dài hạn khác	258		47.547.700.000	47.547.700.000
Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn	259		(32.498.814.759)	(30.754.877.608)
Tài sản dài hạn khác			27.273.784	123.643.423
Chi phí trả trước dài hạn	261	5.7.2	27.273.784	123.643.423
Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262		-	-
Tài sản dài hạn khác	268		-	-
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		1.711.693.343.727	1.768.384.222.426

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN TỔNG HỢP

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2024

	Mã số	Thuyết minh	31/12/2024 VND	01/01/2024 VND
NGUỒN VỐN				
NỢ PHẢI TRẢ	300		968.505.710.098	1.025.196.588.797
Nợ ngắn hạn	310		576.890.239.097	660.629.886.031
Vay và nợ ngắn hạn	311		-	-
Phải trả người bán ngắn hạn	312	5.10	-	12.204.000
Người mua trả tiền trước ngắn hạn	313	5.11	1.256.846.879	620.280.399
Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	314	5.12	377.346.945.558	424.342.360.793
Phải trả người lao động	315		35.562.534.105	35.037.989.405
Chi phí phải trả	316		109.565.412	288.030.535
Phải trả nội bộ	317		-	-
Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	319	5.13.1	5.756.750.336	5.537.777.567
Dự phòng phải trả ngắn hạn	320		-	-
Dự phòng rủi ro trả thưởng	321	5.14	137.107.969.250	176.275.191.950
Quỹ khen thưởng và phúc lợi	323	5.15	19.749.627.557	18.516.051.382
Nợ dài hạn	330		391.615.471.001	364.566.702.766
Phải trả người bán dài hạn	331		-	-
Phải trả nội bộ dài hạn	332		-	-
Phải trả dài hạn khác	333	5.13.2	335.004.000.001	307.955.231.766
Vay và nợ dài hạn	334		-	-
Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	335		-	-
Dự phòng trợ cấp mất việc làm	336		-	-
Dự phòng phải trả dài hạn	337		-	-
Quỹ phát triển khoa học công nghệ	343	5.16	56.611.471.000	56.611.471.000
NGUỒN VỐN				
VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		743.187.633.629	743.187.633.629
Vốn chủ sở hữu	410	5.17	743.187.633.629	743.187.633.629
Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411		743.187.633.629	743.187.633.629
Vốn khác của chủ sở hữu	413		-	-
Chênh lệch đánh giá lại tài sản	415		-	-
Chênh lệch tỷ giá hối đoái	416		-	-
Quỹ đầu tư phát triển	417		-	-
Quỹ dự phòng tài chính	418		-	-
Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	419		-	-
Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	420		-	-
Nguồn vốn đầu tư XDCB	421		-	-
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		1.711.693.343.727	1.768.384.222.426

CÔNG TY TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN MỘT THÀNH VIÊN XỔ SỔ KIẾN THIẾT KIÊN GIANG
Số 94 đường 3 tháng 2, Phường Vĩnh Thanh Vân, Thành phố Rạch Giá, Tỉnh Kiên Giang, Việt Nam

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN TỔNG HỢP

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2024

	Mã số	Thuyết minh	31/12/2024 VND	01/01/2024 VND
CÁC CHỈ TIÊU NGOẠI				
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN				
Tài sản thuê ngoài			-	-
Vật tư, hàng hóa nhận giữ hộ, nhận gia công			-	-
Vé xổ số nhận bán hộ			-	-
Nợ khó đòi đã xử lý			2.796.396.482	2.796.396.482
Công cụ, dụng cụ lâu bền đang sử dụng			8.900.128.916	8.900.128.916
Tài sản, giấy tờ có giá nhận thế chấp			-	-
Ngoại tệ các loại - USD			-	-
Doanh số phát hành xổ số kiến thiết			-	-



TRẦN THANH MINH
Người lập biểu



TRẦN THỊ ANH THU
Kế toán trưởng



LÂM MINH ĐẠO
Tổng Giám đốc

Kiên Giang, ngày 05 tháng 02 năm 2025

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH TỔNG HỢP

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm 2024 VND	Năm 2023 VND
Doanh thu	01		5.911.022.311.659	5.898.438.041.737
Doanh thu kinh doanh xổ số	01.1		5.883.707.536.362	5.871.883.609.091
Xổ số truyền thống	01.1.1		5.863.631.072.727	5.854.503.218.182
Xổ số cào	01.1.2		-	-
Xổ số lô tô	01.1.4		20.076.463.635	17.380.390.909
Doanh thu kinh doanh khác	01.2		27.314.775.297	26.554.432.646
Các khoản giảm trừ doanh thu	02		767.440.113.440	765.897.862.054
Giảm trừ doanh thu kinh doanh xổ số	02.1		767.440.113.440	765.897.862.054
Xổ số truyền thống	02.1.1		764.821.444.269	765.897.862.054
Xổ số cào	02.1.2		-	-
Xổ số lô tô	02.1.4		2.618.669.171	-
Giảm trừ doanh thu khác	02.2		-	-
Doanh thu thuần	10	6.1	5.143.582.198.219	5.132.540.179.683
Doanh thu thuần kinh doanh xổ số	10.1		5.116.267.422.922	5.105.985.747.037
Xổ số truyền thống	10.1.1		5.098.809.628.458	5.088.605.356.128
Xổ số cào	10.1.2		-	-
Xổ số lô tô	10.1.4		17.457.794.464	17.380.390.909
Doanh thu thuần kinh doanh khác	10.2		27.314.775.297	26.554.432.646
Chi phí kinh doanh	11	6.2	4.185.716.709.312	4.279.309.246.523
Chi phí kinh doanh xổ số	11.1		4.180.950.209.848	4.269.997.568.897
Chi phí trả thưởng	11.1.1		3.144.621.047.300	3.096.582.370.000
Chi phí trực tiếp phát hành xổ số	11.1.2		1.036.329.162.548	1.173.415.198.897
Giá vốn hàng hóa, sản phẩm, dịch vụ đã bán	11.2		4.766.499.464	9.311.677.626
Lợi nhuận gộp	20		957.865.488.907	853.230.933.160
Lợi nhuận gộp từ hoạt động kinh doanh xổ số	20.1		935.317.213.074	835.988.178.140
Lợi nhuận gộp từ hoạt động bán hàng và kinh doanh dịch vụ khác	20.2		22.548.275.833	17.242.755.020
Doanh thu hoạt động tài chính	21	6.3	24.510.389.120	42.263.266.728
Chi phí tài chính	22	6.4	1.743.937.151	3.477.797.531
Trong đó: chi phí lãi vay	23		-	-
Chi phí bán hàng	24	6.5	515.825.100	386.436.359
Chi phí quản lý doanh nghiệp	25	6.6	236.104.586.877	157.520.033.368
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh	30		744.011.528.899	734.109.932.630
Thu nhập khác	31	6.7	455.328.282	1.555.102.568
Chi phí khác	32	6.8	19.232.997	73.380.572
Lợi nhuận khác	40		436.095.285	1.481.721.996

CÔNG TY TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN MỘT THÀNH VIÊN XỔ SỞ KIẾN THIẾT KIÊN GIANG
Số 94 đường 3 tháng 2, Phường Vĩnh Thanh Vân, Thành phố Rạch Giá, Tỉnh Kiên Giang, Việt Nam

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH TỔNG HỢP

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm 2024 VND	Năm 2023 VND
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		744.447.624.184	735.591.654.626
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51	5.12	148.157.028.468	146.867.590.330
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	52		-	-
Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		596.290.595.716	588.724.064.296



TRẦN THANH MINH
Người lập biểu

TRẦN THỊ ANH THƯ
Kế toán trưởng

LÂM MINH ĐẠO
Tổng Giám đốc

Kiên Giang, ngày 05 tháng 02 năm 2025

CÔNG TY TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN MỘT THÀNH VIÊN XỔ SỔ KIẾN THIẾT KIÊN GIANG
Số 94 đường 3 tháng 2, Phường Vĩnh Thanh Vân, Thành phố Rạch Giá, Tỉnh Kiên Giang, Việt Nam

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ TỔNG HỢP (theo phương pháp trực tiếp)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Năm 2024	Năm 2023
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT, KINH DOANH			
Tiền thu bán hàng, cung cấp dịch vụ và kinh doanh khác	01	5.477.419.890.290	5.294.085.240.645
Tiền chi trả cho người cung cấp hàng hoá và dịch vụ	02	(39.138.327.935)	(45.306.922.564)
Tiền chi trả cho người lao động	03	(96.065.406.728)	(89.106.291.732)
Tiền chi trả lãi vay	04	-	-
Tiền chi nộp thuế thu nhập doanh nghiệp	05	(165.989.310.917)	(132.915.301.248)
Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	06	2.443.021.429.586	686.799.101.243
Tiền chi khác từ hoạt động kinh doanh	07	(7.041.381.608.537)	(5.082.608.466.095)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động sản xuất, kinh doanh	20	577.866.665.759	630.947.360.249
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ			
Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các TS dài hạn khác	21	-	-
Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các TS dài hạn khác	22	-	-
Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23	(597.695.000.000)	(561.670.000.000)
Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24	593.695.000.000	1.071.940.000.000
Chi tiền đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25	-	-
Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26	-	-
Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	21.195.151.881	42.075.866.728
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30	17.195.151.881	552.345.866.728
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH			
Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu	31	-	-
Tiền chi trả vốn góp cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành	32	-	-
Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được	33	-	-
Tiền chi trả nợ gốc vay	34	-	-
Tiền chi trả nợ thuê tài chính	35	-	-
Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36	(614.160.780.692)	(524.750.221.469)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40	(614.160.780.692)	(524.750.221.469)
LƯU CHUYỂN TIỀN THUẦN TRONG NĂM	50	(19.098.963.052)	658.543.005.508
TIỀN VÀ TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN ĐẦU NĂM	60	947.567.727.925	289.024.722.417
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61	-	-
TIỀN VÀ TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN CUỐI NĂM	70	928.468.764.873	947.567.727.925



TRẦN THANH MINH
Người lập biểu



TRẦN THỊ ANH THƯ
Kế toán trưởng



LÂM MINH ĐẠO
Tổng Giám đốc

Kiên Giang, ngày 05 tháng 02 năm 2025

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Bản thuyết minh này là một bộ phận không thể tách rời được đọc cùng với các báo cáo tài chính tổng hợp đính kèm

1. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG

1.1 Hình thức sở hữu vốn

Công ty TNHH MTV Xổ số Kiến thiết Kiên Giang ("Công ty") là công ty TNHH một thành viên do UBND tỉnh Kiên Giang là cơ quan đại diện chủ sở hữu được chuyển đổi từ doanh nghiệp nhà nước và được thành lập theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp Công ty Trách nhiệm hữu hạn một thành viên số 1700110137 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Kiên Giang cấp ngày 30 tháng 12 năm 2009 với các lần thay đổi, thay đổi lần thứ 12 ngày 16 tháng 12 năm 2024 và phê duyệt mức vốn điều lệ theo Quyết định của UBND tỉnh Kiên Giang số 1881/QĐ-UBND ngày 28 tháng 07 năm 2021.

1.2 Lĩnh vực kinh doanh

Lĩnh vực kinh doanh của Công ty là xổ số và in ấn.

1.3 Ngành nghề kinh doanh

Ngành nghề kinh doanh của Công ty là:

- Kinh doanh xổ số kiến thiết (Mã ngành 9200);
- In ấn;
- Dịch vụ liên quan đến in ấn;
- Sao chép bản ghi các loại.

1.4 Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường của Công ty không quá 12 tháng.

1.5 Cấu trúc của Công ty

Đơn vị trực thuộc không có tư cách pháp nhân hạch toán bán độc lập

Tên đơn vị	Địa chỉ trụ sở chính
Xí Nghiệp In Hồ Văn Tàu - Chi nhánh Công ty TNHH MTV Xổ Số Kiến Thiết Kiên Giang	1228 Nguyễn Trung Trực, phường An Bình, thành phố Rạch Giá, tỉnh Kiên Giang

Các đơn vị trực thuộc không có tư cách pháp nhân hạch toán phụ thuộc

Tên đơn vị	Địa chỉ trụ sở chính
Công ty TNHH MTV Xổ Số Kiến Thiết Kiên Giang - Chi nhánh Sài Gòn	Số 152 Lê Hồng Phong, phường 3, quận 5, thành phố Hồ Chí Minh
Công ty TNHH MTV Xổ Số Kiến Thiết Kiên Giang - Chi nhánh Miền Đông	B.24 Khu 1, đường Trường Sơn, phường 15, quận 10, thành phố Hồ Chí Minh

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Tên đơn vị	Địa chỉ trụ sở chính
Công ty TNHH MTV Xổ Sổ Kiến Thiết Kiên Giang - Chi nhánh Miền Tây	Số 16 Phạm Ngũ Lão, phường An Hòa, quận Ninh Kiều, thành phố Cần Thơ
Công ty TNHH MTV Xổ Sổ Kiến Thiết Kiên Giang - Chi nhánh Phú Quốc	Số 32, Mạc Thiên Tích, thị trấn Dương Đông, huyện Phú Quốc, tỉnh Kiên Giang

1.5 Tuyên bố về khả năng so sánh thông tin trên Báo cáo tài chính tổng hợp

Các số liệu trên báo cáo tài chính tổng hợp cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024 so sánh được với số liệu tương ứng của năm trước.

1.6 Nhân viên

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2024, tổng số nhân viên của Công ty là 268 người.

2. NĂM TÀI CHÍNH, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

2.1 Năm tài chính

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm.

2.2 Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán là Đồng Việt Nam (VND) do việc thu, chi chủ yếu được thực hiện bằng đơn vị tiền tệ VND.

3. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

3.1 Chuẩn mực và chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng Thông tư số 168/2009/TT-BTC ngày 19 tháng 8 năm 2009 của Bộ tài chính hướng dẫn chế độ kế toán đối với Công ty xổ số kiến thiết và các chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính về hướng dẫn Chế độ kế toán Doanh nghiệp và các thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực kế toán Việt Nam của Bộ Tài Chính trong việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

3.2 Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán

Ban Tổng Giám đốc đảm bảo đã tuân thủ yêu cầu của các chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính tổng hợp.



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

4.1 Cơ sở lập báo cáo tài chính tổng hợp

Báo cáo tài chính tổng hợp được lập trên cơ sở kế toán dồn tích (trừ các thông tin liên quan đến các luồng tiền).

4.2 Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền bao gồm tiền mặt, tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn và tiền đang chuyển. Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi không quá 3 tháng kể từ ngày đầu tư, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành một lượng tiền xác định và không có rủi ro trong việc chuyển đổi thành tiền tại thời điểm báo cáo.

4.3 Các khoản đầu tư tài chính

Các khoản đầu tư ngắn hạn

Các khoản đầu tư ngắn hạn bao gồm: Các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn được nắm giữ đến ngày đáo hạn với mục đích thu lãi hàng kỳ.

Các khoản đầu tư góp vốn vào các đơn vị khác bao gồm: các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác không có quyền kiểm soát, đồng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên được đầu tư. Giá trị ghi sổ ban đầu của các khoản đầu tư này được xác định theo giá gốc. Sau ghi nhận ban đầu, giá trị của các khoản đầu tư này được xác định theo giá gốc trừ đi dự phòng giảm giá khoản đầu tư.

Dự phòng giảm giá các khoản đầu tư được lập vào thời điểm cuối năm cụ thể như sau:

- Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác: khoản đầu tư không xác định được giá trị hợp lý tại thời điểm báo cáo thì việc lập dự phòng căn cứ vào Báo cáo tài chính tại thời điểm trích lập dự phòng của bên được đầu tư.
- Đối với các khoản đầu tư ngắn hạn: căn cứ khả năng thu hồi để lập dự phòng phải thu khó đòi theo quy định của pháp luật.

4.4 Các khoản phải thu

Các khoản nợ phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi. Việc phân loại các khoản phải thu là phải thu khách hàng và phải thu khác được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải thu của khách hàng phản ánh các khoản phải thu mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch có tính chất mua – bán giữa Công ty và người mua là đơn vị độc lập với Công ty.
- Phải thu khác phản ánh các khoản phải thu không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua – bán.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Dự phòng nợ phải thu khó đòi được lập cho các khoản nợ phải thu quá hạn thanh toán hoặc các khoản nợ có bằng chứng chắc chắn là không thu được. Dự phòng phải thu khó đòi được trích lập phù hợp với hướng dẫn tại Thông tư số 48/2019/TT-BTC ngày 08/08/2019 của Bộ Tài chính.

Tăng, giảm số dư dự phòng nợ phải thu khó đòi cần phải trích lập tại ngày kết thúc năm tài chính được ghi nhận vào chi phí quản lý doanh nghiệp.

4.5 Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được ghi nhận theo giá gốc thấp hơn giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá gốc hàng tồn kho được xác định như sau:

- Nguyên vật liệu, hàng hóa: bao gồm chi phí mua và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.
- Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang: bao gồm chi phí nguyên vật liệu chính, chi phí nhân công trực tiếp và chi phí sản xuất chung có liên quan trực tiếp đến quá trình sản xuất sản phẩm.

Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trong kỳ sản xuất, kinh doanh bình thường trừ chi phí ước tính để hoàn thành và chi phí ước tính cần thiết cho việc tiêu thụ chúng.

Giá trị hàng tồn kho được tính theo phương pháp bình quân gia quyền và được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được lập cho từng mặt hàng tồn kho có giá gốc lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được. Đối với dịch vụ cung cấp dở dang, việc lập dự phòng giảm giá được tính theo từng loại dịch vụ có mức giá riêng biệt. Tăng, giảm số dư dự phòng giảm giá hàng tồn kho cần phải trích lập tại ngày kết thúc năm tài chính được ghi nhận vào giá vốn hàng bán.

4.6 Chi phí trả trước

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều kỳ kế toán. Chi phí trả trước của Công ty gồm các chi phí sau:

Công cụ, dụng cụ

Các công cụ, dụng cụ đã đưa vào sử dụng được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng với thời gian phân bổ từ 1 đến 2 năm.

Chi phí sửa chữa tài sản cố định

Chi phí sửa chữa tài sản phát sinh một lần có giá trị lớn được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng với thời gian phân bổ không quá 3 năm.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

4.7 Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu chỉ được ghi tăng nguyên giá tài sản cố định nếu các chi phí này chắc chắn làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai do sử dụng tài sản đó. Các chi phí phát sinh không thỏa mãn điều kiện trên được ghi nhận là chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm.

Khi tài sản cố định hữu hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và lãi, lỗ phát sinh do thanh lý được ghi nhận vào thu nhập hay chi phí trong năm. Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính.

Thời gian khấu hao của các loại tài sản cố định hữu hình như sau:

	Thời gian (năm)
Nhà cửa, vật kiến trúc	03 – 45
Máy móc thiết bị	02 – 10
Phương tiện vận tải, thiết bị truyền dẫn	03 – 06
Thiết bị, dụng cụ quản lý	05
Tài sản cố định khác	04

4.8 Tài sản cố định vô hình

Tài sản cố định vô hình được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định vô hình bao gồm toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Chi phí liên quan đến tài sản cố định vô hình phát sinh sau khi ghi nhận ban đầu được ghi nhận là chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm trừ khi các chi phí này gắn liền với một tài sản cố định vô hình cụ thể và làm tăng lợi ích kinh tế từ các tài sản này.

Khi tài sản cố định hữu hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và lãi, lỗ phát sinh do thanh lý được ghi nhận vào thu nhập hay chi phí trong năm.

Tài sản cố định vô hình của Công ty bao gồm:

Quyền sử dụng đất

Quyền sử dụng đất là toàn bộ các chi phí thực tế Công ty đã chi ra có liên quan trực tiếp tới đất sử dụng, bao gồm: tiền chi ra để có quyền sử dụng đất, chi phí cho đền bù, giải phóng mặt bằng, san lấp mặt bằng, lệ phí trước bạ,....

Quyền sử dụng đất của Công ty được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian giao đất có thời hạn khấu hao 50 năm, quyền sử dụng đất lâu dài không trích khấu hao.

Chương trình phần mềm

Chi phí liên quan đến các chương trình phần mềm máy tính không phải là một bộ phận gắn kết với phần cứng có liên quan được vốn hoá. Nguyên giá của phần mềm máy tính là toàn bộ các chi phí mà Công ty đã chi ra tính đến thời điểm đưa phần mềm vào sử dụng. Phần mềm máy tính được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong 5 năm.

4.9 Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả

Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được. Chi phí phải trả được ghi nhận dựa trên các ước tính hợp lý về số tiền phải trả.

Việc phân loại các khoản phải trả là phải trả người bán, chi phí phải trả và phải trả khác được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải trả người bán phản ánh các khoản phải trả mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua hàng hóa, dịch vụ, tài sản và người bán là đơn vị độc lập với Công ty.
- Chi phí phải trả phản ánh các khoản phải trả cho hàng hóa, dịch vụ đã nhận được từ người bán hoặc đã cung cấp cho người mua nhưng chưa chi trả do chưa có hóa đơn hoặc chưa đủ hồ sơ, tài liệu kế toán và các khoản chi phí sản xuất, kinh doanh phải trích trước.
- Phải trả khác phản ánh các khoản phải trả không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua, bán, cung cấp hàng hóa dịch vụ.

4.10 Các khoản dự phòng phải trả

Các khoản dự phòng được ghi nhận khi Công ty có nghĩa vụ nợ hiện tại (nghĩa vụ pháp lý hoặc nghĩa vụ liên đới) do kết quả từ một sự kiện đã xảy ra, việc thanh toán nghĩa vụ nợ này có thể sẽ dẫn đến sự giảm sút về những lợi ích kinh tế và giá trị của nghĩa vụ nợ đó có thể được một ước tính đáng tin cậy.

Nếu ảnh hưởng của thời gian là trọng yếu, dự phòng sẽ được xác định bằng cách chiết khấu số tiền phải bỏ ra trong tương lai để thanh toán nghĩa vụ nợ với tỷ lệ chiết khấu trước thuế và phản ánh những đánh giá trên thị trường hiện tại về giá trị thời gian của tiền và những rủi ro cụ thể của khoản nợ đó. Khoản tăng lên của số dự phòng do thời gian trôi qua được ghi nhận là chi phí tài chính.

Các khoản dự phòng phải trả của Công ty bao gồm:

Dự phòng rủi ro trả thường

Theo quy định tại Nghị định 122/2017/NĐ-CP ngày 13/11/2017 của Chính phủ quy định một số nội dung đặc thù về cơ chế quản lý tài chính và đánh giá hiệu quả hoạt động đối với doanh nghiệp kinh doanh xổ số, điều kiện được trích lập dự phòng rủi ro trả thường là khi trong kỳ trích lập doanh nghiệp kinh doanh xổ số có tỷ lệ trả thưởng thực tế nhỏ hơn tỷ lệ trả thưởng kế hoạch của từng loại hình sản phẩm xổ số được phép kinh doanh theo quy định của pháp luật.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Theo Thông tư số 75/2013/TT-BTC ngày 04/06/2013 của Bộ tài chính hướng dẫn chi tiết về hoạt động kinh doanh xổ số, tỷ lệ trả thưởng tối đa đối với xổ số truyền thống là 50% trên tổng giá trị phát hành, đối với xổ số cao tỷ lệ trả thưởng tối đa là 55% trên tổng giá trị phát hành, đối với xổ số lô tô tỷ lệ trả thưởng tối đa là 60% trên tổng giá trị vé xổ số dự kiến phát hành.

Tỷ lệ trả thưởng Công ty xây dựng cho mỗi loại như sau:

Vé xổ số truyền thống	48,50%
Vé xổ số lô tô	60,00%

Việc trích lập quỹ dự phòng rủi ro trả thưởng được tạm trích lập theo quý và thực hiện quyết toán khi kết thúc năm tài chính.

Mức trích lập của từng loại hình xổ số được xác định như sau:

$$\begin{array}{l} \text{Dự phòng rủi ro trả} \\ \text{thưởng} \end{array} = \begin{array}{l} \text{Tổng doanh thu có} \\ \text{thuế của từng loại} \\ \text{hình xổ số trong kỳ} \\ \text{trích lập} \end{array} \times \begin{array}{l} \text{Tỷ lệ trả thưởng kế} \\ \text{hoạch trong kỳ trích} \\ \text{lập theo quy định} \\ \text{đối với từng loại} \\ \text{hình xổ số} \end{array} - \begin{array}{l} \text{Tổng giá trị trả thưởng thực tế} \\ \text{đã thanh toán cho khách hàng} \\ \text{trúng thưởng của từng loại} \\ \text{hình xổ số trong kỳ trích lập} \\ \text{thuộc trách nhiệm chi trả của} \\ \text{doanh nghiệp.} \end{array}$$

Tại thời điểm trích lập, tổng số dư quỹ dự phòng rủi ro trả thưởng của doanh nghiệp kinh doanh xổ số hoạt động kinh doanh tại khu vực miền Nam không được vượt quá 3% tổng doanh thu có thuế của tất cả các loại hình xổ số.

Doanh nghiệp kinh doanh xổ số sử dụng quỹ dự phòng rủi ro trả thưởng để trả thưởng khi tỷ lệ trả thưởng thực tế trong kỳ lớn hơn tỷ lệ trả thưởng kế hoạch. Trường hợp quỹ dự phòng trả thưởng không còn đủ để chi thì phần trả thưởng thực tế còn lại được tính vào chi phí kinh doanh. Số dư quỹ dự phòng rủi ro trả thưởng sử dụng không hết được chuyển sang năm sau. Doanh nghiệp kinh doanh xổ số có số dư quỹ dự phòng rủi ro trả thưởng đã trích lập trong kỳ vượt giới hạn quy định tại điểm a khoản này thì phải hoàn nhập vào thu nhập khác.

4.11 Vốn chủ sở hữu

Vốn góp của chủ sở hữu

Vốn góp của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực tế đã góp của chủ sở hữu.

Vốn khác của chủ sở hữu

Vốn khác được hình thành do bổ sung từ kết quả hoạt động kinh doanh, đánh giá lại tài sản và giá trị còn lại giữa giá trị hợp lý của các tài sản được tặng, biếu, tài trợ sau khi trừ các khoản thuế phải nộp (nếu có) liên quan đến các tài sản này.

4.12 Phân phối lợi nhuận

Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp được phân phối cho chủ sở hữu khi đã trích lập các quỹ theo Điều lệ của Công ty cũng như các quy định của pháp luật và đã được Chủ tịch phê duyệt.

3-002-
TY
HỮU HẠN
ẤN
NAM
ANH
ID
P.CÂN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

4.13 Ghi nhận doanh thu và thu nhập

Doanh thu bán hàng hoá, thành phẩm

Doanh thu bán hàng hóa, thành phẩm được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Công ty đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa cho người mua.
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa.
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.
- Công ty đã thu được hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng.
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu của giao dịch cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp dịch vụ được thực hiện trong nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ được căn cứ vào kết quả phân công việc đã hoàn thành vào ngày kết thúc kỳ kế toán. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn tất cả các điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó.
- Xác định được phân công việc đã hoàn thành vào ngày kết thúc năm tài chính.
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Tiền lãi

Tiền lãi được ghi nhận trên cơ sở dồn tích, được xác định trên số dư các tài khoản tiền gửi và lãi suất thực tế từng thời kỳ.

4.14 Giá vốn kinh doanh

Giá vốn kinh doanh là tổng chi phí phát sinh của hàng hóa xuất bán và dịch vụ cung cấp cho khách hàng trong năm, được ghi nhận theo nguyên tắc phù hợp với doanh thu và nguyên tắc thận trọng.

Giá vốn hàng bán của doanh nghiệp kinh doanh xổ số bao gồm các loại chi phí sau:

- Chi phí trả thưởng;
- Chi phí trực tiếp phát hành vé, bao gồm:
 - + Chi phí hoa hồng đại lý;
 - + Chi phí quay số mở thưởng, giám sát;
 - + Chi phí chống số đề;
 - + Chi phí dự phòng rủi ro trả thưởng;
 - + Chi phí in vé số;
 - + Chi phí trực tiếp phát hành khác.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

4.15 Ghi nhận chi phí tiền lương

Quỹ tiền lương thực hiện của người quản lý trong năm được xác định tuân thủ theo hướng dẫn tại Nghị định 52/2016/NĐ-CP ngày 13/06/2016 của Chính phủ và Thông tư 27/2016/TT-BLĐTBXH ngày 01/09/2016 của Bộ Lao Động - Thương binh và Xã hội về việc hướng dẫn thực hiện chế độ tiền lương, thù lao, tiền thưởng đối với thành viên hội đồng thành viên hoặc Chủ tịch công ty, kiểm soát viên, tổng giám đốc hoặc giám đốc, phó tổng giám đốc hoặc phó giám đốc, kế toán trưởng trong công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên do nhà nước làm chủ sở hữu và Nghị định 21/2024/NĐ-CP ngày 23/02/2024 sửa đổi, bổ sung một số điều của nghị định số 51/2016/NĐ-CP ngày 13 tháng 6 năm 2016 của chính phủ quy định quản lý lao động, tiền lương và tiền thưởng đối với người lao động làm việc trong công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên do nhà nước nắm giữ 100% vốn điều lệ và nghị định số 52/2016/NĐ-CP ngày 13 tháng 6 năm 2016 của chính phủ quy định tiền lương, thù lao, tiền thưởng đối với người quản lý công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên do nhà nước nắm giữ 100% vốn điều lệ.

Quỹ tiền lương thực hiện của người lao động trong năm được xác định tuân thủ theo hướng dẫn tại Nghị định 51/2016/NĐ-CP ngày 13/06/2016 của Chính phủ và Thông tư 26/2016/TT-BLĐTBXH ngày 01/09/2016 của Bộ Lao Động - Thương binh và Xã hội về việc hướng dẫn thực hiện quản lý lao động, tiền lương và tiền thưởng đối với người lao động làm việc trong công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên do nhà nước làm chủ sở hữu và Nghị định 21/2024/NĐ-CP ngày 23/02/2024 sửa đổi, bổ sung một số điều của nghị định số 51/2016/NĐ-CP ngày 13 tháng 6 năm 2016 của chính phủ quy định quản lý lao động, tiền lương và tiền thưởng đối với người lao động làm việc trong công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên do nhà nước nắm giữ 100% vốn điều lệ và nghị định số 52/2016/NĐ-CP ngày 13 tháng 6 năm 2016 của chính phủ quy định tiền lương, thù lao, tiền thưởng đối với người quản lý công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên do nhà nước nắm giữ 100% vốn điều lệ.

4.16 Thuế thu nhập doanh nghiệp

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp trong năm là thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành.

Thuế thu nhập hiện hành

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế được tính dựa trên thu nhập tính thuế. Thu nhập tính thuế chênh lệch so với lợi nhuận kế toán là do điều chỉnh các chi phí không được trừ cũng như điều chỉnh các khoản thu nhập không phải chịu thuế và các khoản lỗ được chuyển.

Các báo cáo thuế của Công ty sẽ được kiểm tra bởi cơ quan thuế. Do sự áp dụng của luật thuế cho từng loại nghiệp vụ và việc giải thích, hiểu cũng như chấp thuận theo nhiều cách khác nhau nên số liệu của báo cáo tài chính có thể sẽ khác với số liệu của cơ quan thuế.

Trong năm, Công ty áp dụng mức thuế suất thuế TNDN là:

- Hoạt động xuất bản áp dụng thuế suất 10%
- Hoạt động còn lại áp dụng thuế suất 20%

4.17 Bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên cũng được xem là bên liên quan nếu cùng chịu sự kiểm soát chung hay chịu ảnh hưởng đáng kể chung.

Trong việc xem xét các mối quan hệ của các bên liên quan, bản chất của các mối quan hệ được chú trọng nhiều hơn hình thức pháp lý.

Các đối tượng sau đây được xem là các bên có liên quan:

Tên đối tượng

Quan hệ

Công ty Cổ phần Lanh Ke Hà Tiên

Công ty đầu tư

Công ty Cổ phần Bệnh Viện Đa Khoa Bình An

Công ty đầu tư

Công ty Cổ phần Sài Gòn - Phú Quốc

Công ty đầu tư

Công ty Cổ phần Du Lịch Núi Đền

Công ty liên kết

Công ty Cổ phần Sài Gòn - Rạch Giá

Công ty đầu tư

Chủ tịch, Ban Tổng Giám đốc, Ban Kiểm soát, Kế toán trưởng

Thành viên quản lý chủ chốt

CÔNG TY TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN MỘT THÀNH VIÊN XỔ SỔ KIẾN THIẾT KIÊN GIANG
Số 94 đường 3 tháng 2, Phường Vĩnh Thanh Vân, Thành phố Rạch Giá, Tỉnh Kiên Giang, Việt Nam

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

5. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN TỔNG HỢP

5.1 Tiền và các khoản tương đương tiền

		31/12/2024 VND	01/01/2024 VND
Tiền mặt tồn quỹ	(i)	8.874.492.611	1.825.134.817
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	(ii)	302.368.272.262	945.742.593.108
Các khoản tương đương tiền	(iii)	617.226.000.000	-
		928.468.764.873	947.567.727.925

(i) Chi tiết số dư tiền mặt tồn quỹ tại ngày 31 tháng 12 năm 2024:

Công ty Xổ Sổ Kiến Thiết Kiên Giang	8.855.993.618
Xi Nghiệp In Hồ Văn Tầu	18.498.993
	8.874.492.611

(ii) Chi tiết số dư tiền gửi ngân hàng tại ngày 31 tháng 12 năm 2024:

Công ty Xổ Sổ Kiến Thiết Kiên Giang	296.093.267.398
Ngân Hàng Đầu Tư và Phát Triển Việt Nam - Chi nhánh Kiên Giang	18.272.035.883
Ngân Hàng NN & PTNT Việt Nam - Chi nhánh Kiên Giang	11.701.782.814
Ngân Hàng Ngoại Thương Việt Nam - Chi nhánh Kiên Giang	15.387.702.642
Ngân Hàng Công Thương Việt Nam - Chi nhánh Kiên Giang	37.699.555.066
Ngân Hàng Sài Gòn - Thương Tín - Chi nhánh Kiên Giang	22.968.625.497
Ngân Hàng NN&PTNT Việt Nam - Chi nhánh Sóc Trăng	12.733.011.223
Ngân Hàng Đầu Tư và Phát Triển Việt Nam - Chi nhánh Thủ Thiêm	78.143.851.440
Ngân Hàng NN&PTNT Việt Nam - Chi nhánh Cần Thơ II	7.247.068.939
Ngân Hàng Lộc Phát Việt Nam - Chi nhánh Kiên Giang	975.943
Ngân Hàng Phương Đông - Chi nhánh Kiên Giang	20.607.917.903
Ngân Hàng Đầu Tư và Phát Triển Việt Nam - Chi nhánh TP Thủ Đức (Cát Lái -Sài Gòn)	2.485.444
Ngân Hàng NN&PTNT Việt Nam - Chi nhánh Kiên Giang II	2.717.694
Ngân Hàng NN&PTNT Việt Nam - Chi nhánh Rạch Giá	3.825.933
Ngân Hàng Bảo Việt - Chi nhánh Kiên Giang	10.002.944.643
Ngân Hàng Đông Nam Á - Chi nhánh Kiên Giang	3.373.149
Ngân Hàng Ngoại Thương Việt Nam - Phòng Giao Dịch Rạch Sỏi	27.619.254.687
Ngân Hàng NN&PTNT Việt Nam - Chi nhánh Rạch Sỏi.	14.693.225
Ngân Hàng Hợp Tác Xã Việt Nam - Chi nhánh Kiên Giang	4.521.170
Ngân Hàng NN&PTNT Việt Nam - Chi nhánh Tân Hiệp Kiên Giang II	2.339.813
Ngân Hàng Ngoại Thương Việt Nam - Chi nhánh Thủ Thiêm	14.418.085.720
Ngân Hàng Đầu Tư và Phát Triển Việt Nam - Chi nhánh Phú Quốc	1.165.152.315
Ngân Hàng NN&PTNT Việt Nam - Chi nhánh Bến Nhứt Kiên Giang II	3.137.542
Ngân Hàng TMCP Nam Á - Chi nhánh Kiên Giang	18.086.739.063
Ngân hàng Bản Việt - Chi nhánh Kiên Giang	1.469.650

CÔNG TY TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN MỘT THÀNH VIÊN XỔ SỐ KIẾN THIẾT KIÊN GIANG
Số 94 đường 3 tháng 2, Phường Vĩnh Thanh Vân, Thành phố Rạch Giá, Tỉnh Kiên Giang, Việt Nam

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Xi Nghiệp In Hồ Văn Tầu	6.275.004.864
Ngân Hàng TMCP Ngoại Thương Việt Nam - Chi nhánh Kiên Giang	77.738.051
Ngân Hàng TMCP Công Thương Việt Nam - Chi nhánh Kiên Giang	268.682.166
Ngân Hàng NN & PTNT Việt Nam - Chi nhánh Tỉnh Kiên Giang	184.658.839
Ngân Hàng ĐT & PT Việt Nam - Chi nhánh Kiên Giang	4.801.633.240
Ngân Hàng NN & PTNT Việt Nam - Chi nhánh Rạch Giá Kiên Giang	942.292.568
Tổng cộng	302.368.272.262

(iii) Chi tiết số dư khoản tiền gửi có kỳ hạn không quá 3 tháng tại ngày 31 tháng 12 năm 2024:

Công ty Xổ Số Kiến Thiết Kiên Giang

Ngân Hàng Đầu Tư và Phát Triển Việt Nam - Chi nhánh Kiên Giang	10.110.000.000
Ngân Hàng NN & PTNT Việt Nam - Chi nhánh Kiên Giang	19.400.000.000
Ngân Hàng Ngoại Thương Việt Nam - Chi nhánh Kiên Giang	70.722.000.000
Ngân Hàng Công Thương Việt Nam - Chi nhánh Kiên Giang	51.515.000.000
Ngân Hàng Đầu Tư và Phát Triển Việt Nam - Chi nhánh TP. Thủ Đức	11.876.000.000
Ngân Hàng NN&PTNT Việt Nam - Chi nhánh Kiên Giang II	73.395.000.000
Ngân Hàng NN&PTNT Việt Nam - Chi nhánh Rạch Giá	40.306.000.000
Ngân Hàng Bảo Việt - Chi nhánh Kiên Giang	39.395.000.000
Ngân Hàng Đông Nam Á - Chi nhánh Kiên Giang	23.460.000.000
Ngân Hàng NN&PTNT Việt Nam - Chi nhánh Rạch Sỏi.	181.220.000.000
Ngân Hàng Hợp Tác Xã Việt Nam - Chi nhánh Kiên Giang	22.250.000.000
Ngân Hàng NN&PTNT Việt Nam - Chi nhánh Tân Hiệp Kiên Giang II	23.862.000.000
Ngân Hàng Ngoại Thương Việt Nam - Chi nhánh Thủ Thiêm	31.305.000.000
Ngân Hàng NN&PTNT Việt Nam - Chi nhánh Bến Nhứt Kiên Giang II	18.410.000.000
	617.226.000.000

5.2 Các khoản đầu tư tài chính

Các khoản đầu tư tài chính của Công ty bao gồm đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn, đầu tư vào công ty liên kết và đầu tư góp vốn vào đơn vị khác. Thông tin về các khoản đầu tư tài chính của Công ty như sau:

5.2.1 Đầu tư ngắn hạn

	31/12/2024		01/01/2024	
	Giá gốc VND	Giá trị ghi sổ VND	Giá gốc VND	Giá trị ghi sổ VND
Ngắn hạn				
Tiền gửi có kỳ hạn (iii)	372.957.000.001	372.957.000.001	343.455.231.766	343.455.231.766
	372.957.000.001	372.957.000.001	343.455.231.766	343.455.231.766

CÔNG TY TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN MỘT THÀNH VIÊN XỔ SỐ KIẾN THIẾT KIÊN GIANG
Số 94 đường 3 tháng 2, Phường Vĩnh Thanh Vân, Thành phố Rạch Giá, Tỉnh Kiên Giang, Việt Nam

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Số dư tiền gửi có kỳ hạn ngắn hạn tại ngày 31 tháng 12 năm 2024 là khoản tiền gửi có kỳ hạn còn lại không quá 12 tháng kể từ thời điểm báo cáo, lãi suất theo từng hợp đồng tiền gửi tại các ngân hàng.

(iii) Chi tiết số dư khoản tiền gửi có kỳ hạn ký quỹ của các Đại lý và Xí Nghiệp In có kỳ hạn còn lại không quá 12 tháng kể từ thời điểm báo cáo:

Công ty Xổ Số Kiến Thiết Kiên Giang	333.457.000.001
KÝ QUỸ CỦA ĐẠI LÝ	333.457.000.001
Ngân hàng TMCP Ngoại Thương Việt Nam - Chi nhánh Kiên Giang	57.374.750.000
Ngân Hàng TMCP Công Thương Việt Nam - Chi nhánh Kiên Giang	34.838.500.000
Ngân Hàng TMCP Sài Gòn Thương Tín - Chi Nhánh Kiên Giang	35.687.250.000
Ngân hàng TMCP Đầu Tư và Phát Triển Việt Nam - Chi nhánh Phú Quốc	119.034.000.001
Ngân hàng TMCP Nam Á - Chi nhánh Kiên Giang	86.522.500.000
Xí Nghiệp In Hồ Văn Tầu	39.500.000.000
Ngân Hàng TMCP Công Thương Việt Nam	11.000.000.000
Ngân Hàng NN & PTNT Tỉnh Kiên Giang	5.000.000.000
Ngân Hàng NN & PTNT Bến Nhứt	7.500.000.000
Ngân Hàng NN & PTNT Tân Hiệp	12.000.000.000
Ngân hàng Hợp tác xã Việt Nam - Chi nhánh Kiên Giang	4.000.000.000
Tổng cộng	372.957.000.001

002
Y
JU HAN
IN
NAM
NH
Ơ
P. C. AN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

5.2.2 Đầu tư tài chính dài hạn

	31/12/2024			01/01/2024		
	Giá gốc	Dự phòng	Giá trị hợp lý	Giá gốc	Dự phòng	Giá trị hợp lý
	VND	VND	VND	VND	VND	VND
Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh						
Công ty Cổ phần Du Lịch Núi Đền	13.500.000.000	6.169.308.516	(*)	13.500.000.000	5.638.963.628	(*)
Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác						
Công ty Cổ phần Lanh Ke Hà Tiên	10.000.000.000	10.000.000.000	(*)	10.000.000.000	10.000.000.000	(*)
Công ty Cổ phần Bệnh Viện Đa Khoa Bình An	18.225.000.000	-	(*)	18.225.000.000	-	(*)
Công ty Cổ phần Sài Gòn - Phú Quốc	5.030.400.000	2.037.206.243	(*)	5.030.400.000	1.703.254.015	(*)
Công ty Cổ phần Sài Gòn - Rạch Giá	14.292.300.000	14.292.300.000	(*)	14.292.300.000	13.412.659.965	(*)
	61.047.700.000	32.498.814.759		47.547.700.000	30.754.877.608	

(*) Tại ngày lập báo cáo tài chính tổng hợp, Công ty chưa có thông tin về giá trị hợp lý của các khoản đầu tư này.

Các khoản đầu tư góp vốn vào đơn vị khác:

Công ty đầu tư vào Công ty Cổ phần Lanh Ke Hà Tiên với giá trị 10.000.000.000 VND, Công ty ngưng hoạt động.

Công ty đầu tư vào Công ty Cổ phần Bệnh Viện Đa Khoa Bình An với giá trị 18.225.000.000 VND, chiếm 13,02 % vốn điều lệ.

Công ty đầu tư vào Công ty Cổ phần Sài Gòn - Phú Quốc với giá trị 5.030.400.000 VND, chiếm 15,72 % vốn điều lệ.

Công ty đầu tư vào Công ty Cổ phần Du Lịch Núi Đền với giá trị 13.500.000.000 VND, chiếm 30,00 % vốn điều lệ.

Công ty đầu tư vào Công ty Cổ phần Sài Gòn - Rạch Giá với giá trị 14.292.300.000 VND, chiếm 10,73 % vốn điều lệ.

Tình hình hoạt động của các công ty đầu tư góp vốn

Công ty Cổ phần Lanh Ke Hà Tiên chưa đi vào hoạt động kinh doanh. Tuy nhiên từ năm 2012 trở về trước, Công ty vẫn được nhận lãi từ khoản đầu tư trước thuế như một khoảng tiền gửi ngân hàng. Từ năm 2013 đến nay, Công ty không nhận được lãi từ khoản đầu tư này do dự án đã ngưng triển khai để chuyển đổi sản xuất Clinker sang sản xuất vôi công nghiệp theo chủ trương của Bộ Xây Dựng và Văn phòng UBND tỉnh Kiên Giang. Từ năm 2014 đến nay, Công ty ngưng hoạt động và không lập Báo cáo tài chính.

CÔNG TY TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN MỘT THÀNH VIÊN XỔ SỔ KIẾN THIẾT KIÊN GIANG
Số 94 đường 3 tháng 2, Phường Vĩnh Thanh Vân, Thành phố Rạch Giá, Tỉnh Kiên Giang, Việt Nam
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Công ty Cổ phần Bệnh Viện Đa Khoa Bình An hoạt động chính là y tế, Trong năm, Công ty đang hoạt động kinh doanh bình thường, không có thay đổi lớn so với năm trước.

Công ty Cổ phần Sài Gòn - Phú Quốc hoạt động chính là khách sạn, dịch vụ ăn uống... Trong năm, Công ty đang hoạt động kinh doanh thua lỗ, Công ty đã trích lập dự phòng.

Công ty Cổ phần Du Lịch Núi Đền hoạt động chính là khách sạn, dịch vụ ăn uống. Trong năm, Công ty đang ngưng hoạt động, Công ty đã trích lập dự phòng.

Công ty Cổ phần Sài Gòn - Rạch Giá hoạt động chính là khách sạn, dịch vụ ăn uống. Trong năm, Công ty đang hoạt động kinh doanh thua lỗ, Công ty đã trích lập dự phòng.

Dự phòng cho các khoản đầu tư

Tình hình biến động dự phòng cho các khoản đầu tư như sau:

	Năm 2024 VND	Năm 2023 VND
Tại ngày 01/01	30.754.877.608	27.277.080.077
Trích lập dự phòng bổ sung	1.743.937.151	3.477.797.531
Tại ngày 31/12	32.498.814.759	30.754.877.608

5.3 Phải thu ngắn hạn của khách hàng

	31/12/2024 VND	01/01/2024 VND
Công ty Xổ Số Kiến Thiết Kiên Giang		
Đại lý vé số	223.477.865.150	283.796.650.000
Xí Nghiệp In Hồ Văn Tầu		
Bệnh Viện Đa Khoa Kiên Giang	-	241.488.000
Báo Kiên Giang	271.401.568	-
Ban Dân tộc Kiên Giang	191.000.000	-
Sở Văn hóa thể thao & Du lịch Kiên Giang	-	63.880.000
Bệnh viện Sản Nhi	278.208.040	278.208.040
Công Cổ phần Kiên Hùng - Thạnh Lộc	90.989.028	97.511.040
Các khách hàng khác	18.480.000	87.216.000
	224.327.943.786	284.564.953.080

5.4 Trả trước cho người bán ngắn hạn

	31/12/2024 VND	01/01/2024 VND
Công ty Xổ Số Kiến Thiết Kiên Giang		
Công ty Cổ phần Chứng Khoán Agribank - Chi nhánh Miền Nam	90.000.000	90.000.000
Công ty Cổ phần Tư Vấn Đầu Tư và Thẩm Định Giá Đồng Dương	11.000.000	11.000.000
Công ty TNHH Kiểm toán AFC Việt Nam - Chi nhánh Cần Thơ	29.700.000	29.700.000
Xí Nghiệp In Hồ Văn Tầu		
Công ty TNHH Kiểm toán AFC Việt Nam - Chi nhánh Cần Thơ	15.000.000	15.000.000
	145.700.000	145.700.000

5.5 Phải thu ngắn hạn khác

	31/12/2024		01/01/2024	
	Giá trị VND	Dự phòng VND	Giá trị VND	Dự phòng VND
Công ty Xổ Số Kiến Thiết Kiên Giang				
Phải thu CTCP Du lịch Núi Đền	301.950.000	-	301.950.000	-
Dự thu lãi tiền gửi ngân hàng	3.199.429.020	-	-	-
Phải thu thuế TNCN	7.113.020	-	27.186.940	-
Xí Nghiệp In Hồ Văn Tầu				
Phải thu thuế TNCN	225.332.861	-	229.623.404	-
Dự thu lãi tiền gửi ngân hàng	303.265.753	-	187.457.534	-
	4.037.090.654	-	746.217.878	-

5.6 Hàng tồn kho

	31/12/2024		01/01/2024	
	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá gốc VND	Dự phòng VND
Nguyên liệu, vật liệu	8.522.505.824	-	10.021.567.176	-
Chi phí SXKD dở dang	779.096.900	-	111.993.070	-
Hàng hóa	-	-	157.500.000	-
Vé xổ số	1.459.899.660	-	77.690.000	-
(i)	10.761.502.384	-	10.368.750.246	-

(i) Chi tiết số dư hàng tồn kho tại ngày 31 tháng 12 năm 2024:

Công ty Xổ Số Kiến Thiết Kiên Giang

Nguyên vật liệu	5.963.181.110
Chi phí SXKD dở dang	742.690.000
Vé xổ số	1.459.899.660
	8.165.770.770

Xí Nghiệp In Hồ Văn Tầu

Nguyên liệu, vật liệu	2.559.324.714
Chi phí SXKD dở dang	36.406.900
	2.595.731.614

5.7 Chi phí trả trước ngắn hạn, dài hạn

5.7.1 Chi phí trả trước ngắn hạn

	31/12/2024 VND	01/01/2024 VND
Chi phí mua bảo hiểm	175.730.684	250.718.765
Chi phí mua công cụ	19.442.839	131.338.202
Chi phí sửa chữa	205.841.190	203.779.526
(a)	401.014.713	585.836.493

(a) Trong đó, chi phí trả trước ngắn hạn tại Công ty Xổ Sổ Kiến Thiết Kiên Giang là 382.045.124 VND và chi phí trả trước ngắn hạn tại Xí Nghiệp In Hồ Văn Tầu là 18.969.589 VND.

5.7.2 Chi phí trả trước dài hạn

	31/12/2024 VND	01/01/2024 VND
Chi phí công cụ, dụng cụ	27.273.784	123.643.423
(b)	27.273.784	123.643.423

(b) Đây là chi phí trả trước dài hạn tại Công ty Xổ Sổ Kiến Thiết Kiên Giang là 27.273.784 VND.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

5.8 Tình hình tăng/ (giảm) tài sản cố định hữu hình

	Nhà cửa, vật kiến trúc VND	Máy móc, thiết bị VND	Phương tiện vận tải VND	Dụng cụ quản lý VND	Tài sản cố định hữu hình khác VND	Cộng VND
Nguyên giá						
Tại ngày 01/01/2024	190.163.973.617	33.925.183.749	4.906.519.967	68.000.000	562.272.727	229.625.950.060
Tại ngày 31/12/2024	190.163.973.617	33.925.183.749	4.906.519.967	68.000.000	562.272.727	229.625.950.060
Giá trị hao mòn lũy kế						
Tại ngày 01/01/2024	73.004.710.164	30.251.826.142	4.906.519.967	68.000.000	477.756.936	108.708.813.209
Khấu hao trong năm	6.855.112.648	871.698.696	-	-	34.205.176	7.761.016.520
Tại ngày 31/12/2024	79.859.822.812	31.123.524.838	4.906.519.967	68.000.000	511.962.112	116.469.829.729
Giá trị còn lại						
Tại ngày 01/01/2024	117.159.263.453	3.673.357.607	-	-	84.515.791	120.917.136.851
Tại ngày 31/12/2024	110.304.150.805	2.801.658.911	-	-	50.310.615	113.156.120.331
Nguyên giá tài sản cố định hữu hình đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng:						
Tại ngày 01/01/2024	3.404.222.244	25.909.547.386	4.906.519.967	68.000.000	295.000.000	34.583.289.597
Tại ngày 31/12/2024	3.789.427.698	25.909.547.386	4.906.519.967	68.000.000	479.000.000	35.152.495.051



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

5.9 Tình hình tăng/ (giảm) tài sản cố định vô hình

	Quyền sử dụng đất VND	Phần mềm kế toán VND	Tài sản cố định vô hình khác VND	Cộng VND
Nguyên giá				
Tại ngày 01/01/2024	36.629.450.000	32.696.000	35.320.000	36.697.466.000
Tại ngày 31/12/2024	36.629.450.000	32.696.000	35.320.000	36.697.466.000
Giá trị hao mòn lũy kế				
Tại ngày 01/01/2024	6.818.502.000	32.696.000	35.320.000	6.886.518.000
Khấu hao trong năm	670.692.000	-	-	670.692.000
Tại ngày 31/12/2024	7.489.194.000	32.696.000	35.320.000	7.557.210.000
Giá trị còn lại				
Tại ngày 01/01/2024	29.810.948.000	-	-	29.810.948.000
Tại ngày 31/12/2024	29.140.256.000	-	-	29.140.256.000
Nguyên giá tài sản cố định vô hình đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng:				
Tại ngày 01/01/2024	-	32.696.000	35.320.000	68.016.000
Tại ngày 31/12/2024	-	32.696.000	35.320.000	68.016.000

5.10 Phải trả người bán ngắn hạn

	31/12/2024 VND	01/01/2024 VND
Xí Nghiệp In Hồ Văn Tầu		
Công ty TNHH King Group	-	12.204.000
	-	12.204.000

5.11 Người mua trả tiền trước ngắn hạn

	31/12/2024 VND	01/01/2024 VND
Công ty Xổ Sổ Kiến Thiết Kiên Giang		
Ngô Ngọc Thúy	65.660.000	41.180.000
Nguyễn Văn Được	72.620.000	41.030.000
Lê Phương Thúy	683.305.000	159.740.000
Lê Tuấn Anh	70.970.000	62.620.000
Nguyễn Văn Nam	19.380.000	32.410.000
Nguyễn Thị Thiên	86.970.000	68.220.000
Các đại lý khác	229.310.000	179.140.000
Xí Nghiệp In Hồ Văn Tầu		
Tư Nhân	28.631.879	35.940.399
	1.256.846.879	620.280.399

CÔNG TY TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN MỘT THÀNH VIÊN XỔ SỔ KIẾN THIẾT KIÊN GIANG
Số 94 đường 3 tháng 2, Phường Vĩnh Thanh Vân, Thành phố Rạch Giá, Tỉnh Kiên Giang, Việt Nam

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

5.12 Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

	01/01/2024		Số phát sinh trong năm		31/12/2024	
	Phải nộp VND	Phải thu VND	Số phải nộp VND	Số đã nộp VND	Phải nộp VND	Phải thu VND
Thuế GTGT đầu ra	54.620.235.480	-	587.562.003.169	(583.084.452.866)	59.097.785.783	-
- Thuế GTGT đầu ra truyền thống	53.928.017.166	-	581.456.631.968	(576.897.349.623)	58.487.299.511	-
- Thuế GTGT đầu ra lô tô	139.702.728	-	2.007.646.365	(1.901.692.275)	245.656.818	-
- Thuế GTGT đầu ra hàng quảng cáo	83.249.190	-	126.103.680	(144.700.870)	64.652.000	-
- Thuế GTGT đầu ra hàng hóa dịch vụ khác	74.672.889	-	72.020.335	(129.723.734)	16.969.490	-
- Thuế GTGT đầu ra - Xí nghiệp In Hồ Văn Tầu	394.593.507	-	3.899.600.821	(4.010.986.364)	283.207.964	-
Thuế tiêu thụ đặc biệt	71.328.466.008	-	767.440.113.440	(761.373.058.697)	77.395.520.751	-
- Thuế TTĐB vé số Truyền thống	71.146.245.059	-	764.821.444.269	(758.892.590.514)	77.075.098.814	-
- Thuế TTĐB vé số Lô Tô	182.220.949	-	2.618.669.171	(2.480.468.183)	320.421.937	-
Thuế thu nhập doanh nghiệp	56.533.880.408	-	148.157.028.468	(165.989.310.917)	38.701.597.959	-
Lợi nhuận sau thuế nộp ngân sách	223.603.162.823	-	570.817.401.155	(614.160.780.692)	180.259.783.286	-
Thuế thu nhập cá nhân	18.256.616.074	-	226.368.564.611	(222.732.922.906)	21.892.257.779	-
- Thuế thu nhập cá nhân CNV	1.024.849.275	-	9.942.518.746	(10.860.591.631)	106.776.390	-
- Thuế thu nhập cá nhân đại lý	4.511.737.776	-	48.781.721.252	(48.398.192.340)	4.895.266.688	-
- Thuế thu nhập từ người trúng thưởng vé số	12.438.880.000	-	166.896.040.000	(162.736.680.000)	16.598.240.000	-
- Thuế TNCN người không ký HĐ lao động	33.379.500	-	215.713.400	(210.337.500)	38.755.400	-
- Thuế TNCN - Xí nghiệp In Hồ Văn Tầu	247.769.523	-	532.571.213	(527.121.435)	253.219.301	-
Thuế nhà đất, tiền thuê đất	-	-	170.155.218	(170.155.218)	-	-
Thuế nhà đất, tiền thuê đất - Xí nghiệp In Hồ Văn Tầu	-	-	170.530.626	(170.530.626)	-	-
Phí lệ phí và các loại thuế khác	-	-	77.307.406	(77.307.406)	-	-
	424.342.360.793	-	2.300.763.104.093	(2.347.758.519.328)	377.346.945.558	-

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Thuế giá trị gia tăng:

Công ty nộp thuế giá trị gia tăng theo phương pháp khấu trừ. Thuế suất thuế giá trị gia tăng đối với hoạt động kinh doanh xổ số là 10%, hoạt động khác là 5% và 8%.

Thuế thu nhập doanh nghiệp ("TNDN")

Công ty phải nộp thuế thu nhập doanh nghiệp cho các khoản thu nhập in xuất bản tính thuế với thuế suất 10%, hoạt động còn lại thu nhập tính thuế với thuế suất 20%.

Thuế thu nhập doanh nghiệp ("TNDN") phải nộp trong năm được dự tính như sau:

	Năm 2024 VND	Năm 2023 VND
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	744.447.624.184	735.591.654.626
Các khoản điều chỉnh tăng, giảm lợi nhuận kế toán để xác định thu nhập chịu thuế TNDN:		
- Các khoản điều chỉnh tăng	223.243.420	265.233.596
- Các khoản điều chỉnh giảm	(3.217.851.778)	(910.555.985)
Thu nhập chịu thuế	741.453.015.826	734.946.332.237
Thu nhập chịu thuế - Thuế suất 10%	1.335.746.973	1.216.761.176
Thu nhập chịu thuế - Thuế suất 20%	740.117.268.853	733.729.571.060
Thu nhập tính thuế	741.453.015.826	734.946.332.237
Thuế TNDN do áp dụng thuế suất khác thuế suất phổ thông (10%)	133.574.697	121.676.118
Thuế TNDN phải nộp theo thuế suất phổ thông (20%)	148.023.453.771	146.745.914.212
Tổng thuế TNDN phải nộp	148.157.028.468	146.867.590.330

Thuế tiêu thụ đặc biệt

Công ty nộp thuế tiêu thụ đặc biệt theo kê khai theo từng tháng. Thuế suất thuế Tiêu thụ đặc biệt đối với hoạt động kinh doanh xổ số là 15%.

Thuế nhà đất

Tiền thuê đất được nộp theo thông báo của cơ quan thuế.

Các loại thuế khác

Công ty kê khai và nộp theo qui định.

5.13 Phải trả ngắn hạn, dài hạn khác

5.13.1 Phải trả ngắn hạn khác

	31/12/2024 VND	01/01/2024 VND
Công ty Xổ Số Kiến Thiết Kiên Giang		
Thu thừa thuế TNCN người lao động Công ty	603.672.042	354.356.205
Nguyễn Đức Huy - mua giấy vụn		14.175.000
Công ty TNHH MTV Đồi Sim	300.000.000	300.000.000
Ủy quyền trả thưởng	4.791.087.400	4.806.404.519
Hoa hồng Vé số tự chọn	23.461.912	51.709.688
Doanh thu chưa thực hiện	17.731.482	11.132.155
Tiền thù lao phải trả BKS	5.700.000	-
Lâm Thị Thanh Thủy - mua giấy vụn	15.097.500	-
	5.756.750.336	5.537.777.567

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

5.13.2 Phải trả dài hạn khác

	31/12/2024 VND	01/01/2024 VND
Công ty Xổ Số Kiến Thiết Kiên Giang - Phải trả các đơn vị và cá nhân khác		
Đại lý thể chấp tiền vé truyền thống nhận bán	334.004.000.001	307.005.231.766
Đại lý thể chấp tiền vé lô tô nhận bán	1.000.000.000	950.000.000
	335.004.000.001	307.955.231.766

5.14 Dự phòng phải trả ngắn hạn

	31/12/2024 VND	01/01/2024 VND
Dự phòng rủi ro trả thưởng	137.107.969.250	176.275.191.950
	137.107.969.250	176.275.191.950

5.15 Quỹ khen thưởng, phúc lợi

	Năm 2024 VND
Tại ngày 01/01	18.516.051.382
Trích từ lợi nhuận	25.473.194.561
Tăng khác	28.080.000
Chi trong năm	(24.267.698.386)
Tại ngày 31/12	19.749.627.557

5.16 Quỹ phát triển khoa học công nghệ

	Năm 2024	
	Công ty Xổ Số Kiến Thiết Kiên Giang VND	Xí Nghiệp In Hồ Văn Tầu VND
		Tổng cộng VND
Tại ngày 01/01	56.328.403.000	283.068.000
Tại ngày 31/12	56.328.403.000	283.068.000

5.17 Vốn chủ sở hữu

5.17.1 Bảng đối chiếu biến động vốn chủ sở hữu

	Vốn góp của chủ sở hữu VND	Lợi nhuận sau thuế chưa phân VND	Tổng cộng VND
Tại ngày 01/01/2023	743.187.633.629	-	743.187.633.629
Lãi trong năm	-	588.724.064.296	588.724.064.296
Trích lập quỹ	-	(24.797.688.420)	(24.797.688.420)
Tạm nộp lợi nhuận còn lại về ngân sách	-	(563.926.375.876)	(563.926.375.876)
Nộp bổ sung lợi nhuận còn lại về ngân	-	(3.899.493.596)	(3.899.493.596)
sách nhà nước của các năm trước	-		
Tăng khác	-	3.899.493.596	3.899.493.596
Tại ngày 31/12/2023	743.187.633.629	-	743.187.633.629
Tại ngày 01/01/2024	743.187.633.629	-	743.187.633.629
Lãi trong năm(*)	-	596.290.595.716	596.290.595.716
Trích lập quỹ (**)	-	(25.473.194.561)	(25.473.194.561)
Tạm nộp lợi nhuận còn lại về ngân sách	-	(570.817.401.155)	(570.817.401.155)
nhà nước năm 2024	-		
Tại ngày 31/12/2024	743.187.633.629	-	743.187.633.629

(*) Trong đó, lãi trong năm của Công ty Xổ Số Kiến Thiết Kiên Giang là 587.643.143.168 VND, lãi trong năm của Xí Nghiệp In Hồ Văn Tầu là 8.647.452.548 VND.

(**) Quỹ được trích lập theo bảng phân phối tạm trích của Công ty.

5.17.2 Chi tiết vốn góp của chủ sở hữu

Theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp lần thứ 12 ngày 16 tháng 12 năm 2024 do Sở kế hoạch Đầu tư tỉnh Kiên Giang cấp, vốn điều lệ của Công ty là 750.000.000.000 VND.

Chi tiết như sau:

	31/12/2024		01/01/2024	
	VND	Tỷ lệ	VND	Tỷ lệ
UBND tỉnh Kiên Giang	743.187.633.629	100%	743.187.633.629	100%
(*)	743.187.633.629	100%	743.187.633.629	100%

(*) Công ty chưa được Ủy ban nhân dân tỉnh Kiên Giang phê duyệt giảm vốn từ 750.000.000.000 VND xuống 743.187.633.629 VND.

5.17.3 Phân phối lợi nhuận

Trong năm, Công ty đã tạm trích quỹ khen thưởng, phúc lợi từ lợi nhuận như sau:

	VND
Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi Công ty Xổ Số Kiến Thiết Kiên Giang	17.789.944.385
Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi Xi Nghiệp In Hồ Văn Tầu	7.683.250.176
	25.473.194.561

6. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH TỔNG HỢP

6.1 Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

	Năm 2024 VND	Năm 2023 VND
Doanh thu kinh doanh xổ số		
Xổ số truyền thống	5.863.631.072.727	5.854.503.218.182
Xổ số lô tô	20.076.463.635	17.380.390.909
Doanh thu kinh doanh khác	27.314.775.297	26.554.432.646
(*)	5.911.022.311.659	5.898.438.041.737
Các khoản giảm trừ doanh thu		
Thuế tiêu thụ đặc biệt		
Xổ số truyền thống	764.821.444.269	765.897.862.054
Xổ số lô tô	2.618.669.171	-
(**)	767.440.113.440	765.897.862.054
Doanh thu thuần	(*) - (**) 5.143.582.198.219	5.132.540.179.683

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

6.2 Chi phí kinh doanh

	Năm 2024 VND	Năm 2023 VND
Chi phí trả thưởng	3.144.621.047.300	3.096.582.370.000
Chi phí trực tiếp phát hành xổ số	(i) 1.036.329.162.548	1.173.415.198.897
Giá vốn hàng bán	4.766.499.464	9.311.677.626
	4.185.716.709.312	4.279.309.246.523

(i) Chi phí trực tiếp phát hành xổ số bao gồm:

	Năm 2024 VND	Năm 2023 VND
Chi phí hoa hồng đại lý	970.811.743.500	968.860.795.500
Chi phí uỷ quyền trả thưởng	4.811.398.060	4.824.996.360
Chi phí quay số mở thưởng, giám sát	2.978.088.889	2.894.400.000
Chi phí chống số đề	3.013.675.000	2.510.600.000
Chi phí dự phòng rủi ro trả thưởng	-	137.503.070.000
Chi phí về in vé Xổ số	51.389.560.427	53.521.056.693
Chi phí thông tin kết quả mở thưởng	2.156.752.000	2.198.228.000
Chi phí đóng góp cho HĐXS khu vực	60.000.000	60.000.000
Chi phí trực tiếp phát hành khác	1.107.944.672	1.042.052.344
	1.036.329.162.548	1.173.415.198.897

6.3 Doanh thu hoạt động tài chính

	Năm 2024 VND	Năm 2023 VND
Lãi tiền gửi	21.292.537.342	41.352.710.743
Nhận tiền cổ tức	3.217.851.778	910.555.985
	24.510.389.120	42.263.266.728

6.4 Chi phí tài chính

	Năm 2024 VND	Năm 2023 VND
Dự phòng các khoản đầu tư tài chính	1.743.937.151	3.477.797.531
	1.743.937.151	3.477.797.531

6.5 Chi phí bán hàng

	Năm 2024 VND	Năm 2023 VND
Chi phí hoa hồng	379.781.720	308.388.622
Chi phí quảng cáo	39.814.815	21.000.000
Chi phí khác	96.228.565	57.047.737
	515.825.100	386.436.359

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

6.6 Chi phí quản lý doanh nghiệp

	Năm 2024 VND	Năm 2023 VND
Chi phí nhân viên quản lý	83.727.973.532	80.432.244.399
Chi phí đồ dùng văn phòng	88.446.537	9.166.663
Chi phí khấu hao tài sản cố định	7.584.955.280	8.162.843.065
Chi phí thuế, lệ phí	382.010.352	439.604.050
Chi phí dự phòng	83.462.412	55.641.608
Chi phí trích lập quỹ	-	22.750.259.000
Chi phí dịch vụ mua ngoài	3.754.888.856	2.670.226.188
Chi phí tài trợ	124.981.590.000	24.992.900.000
Chi phí quản lý khác	15.501.259.908	18.007.148.395
	236.104.586.877	157.520.033.368

6.7 Thu nhập khác

	Năm 2024 VND	Năm 2023 VND
Thu nhập từ thanh lý tài sản cố định	-	1.018.000.000
Tiền thu hồi hủy vé	455.328.282	446.727.268
Thu nhập khác	-	90.375.300
	455.328.282	1.555.102.568

6.8 Chi phí khác

	Năm 2024 VND	Năm 2023 VND
Chi phí từ thanh lý tài sản cố định	-	51.183.636
Chi phí khác	19.232.997	22.196.936
	19.232.997	73.380.572

6.9 Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố

	Năm 2024 VND	Năm 2023 VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	12.561.597.749	13.415.323.131
Chi phí nhân công	110.656.750.099	107.878.720.405
Chi phí khấu hao tài sản cố định	8.431.708.520	9.385.241.615
Chi phí dịch vụ mua ngoài	8.261.492.533	8.729.375.976
Chi phí khác	4.322.253.103.806	4.336.531.348.435
	4.462.164.652.707	4.475.940.009.562

7. CÁC THÔNG TIN KHÁC

7.1 Giao dịch và số dư với các bên liên quan

Các bên liên quan bao gồm: các thành viên quản lý chủ chốt, các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt và các bên liên quan khác.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

7.1.1 Giao dịch và số dư với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt

Các thành viên quản lý chủ chốt gồm: các thành viên Hội đồng quản trị và các thành viên Ban điều hành. Các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt là các thành viên mật thiết trong gia đình các thành viên quản lý chủ chốt.

Giao dịch với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt

Công ty không phát sinh giao dịch bán hàng và cung cấp dịch vụ cho các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt. Các giao dịch khác với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt:

Công nợ với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt

Thu nhập của các thành viên quản lý chủ chốt

	Năm 2024 VND	Năm 2023 VND
Lương, thưởng Người quản lý Công ty	7.632.156.466	8.074.760.716
Trần Chí Hùng Chủ tịch	1.120.341.929	1.120.341.930
Lâm Minh Đạo Tổng Giám đốc	1.078.847.775	1.078.847.776
Lâm Thành Được Phó Tổng Giám đốc	874.834.896	954.365.341
Nguyễn Ngọc Hòa Phó Tổng Giám đốc	954.365.342	954.365.341
Trần Đỗ Thị Mỹ Linh Kế toán trưởng	290.459.016	871.377.079
Đỗ Chí Hiền Phó Tổng Giám đốc	954.365.342	954.365.341
Trần Thị Anh Thư Kế toán trưởng	217.844.261	-
Huỳnh Văn Ngà Trưởng Ban Kiểm Soát	995.859.495	995.859.496
Lâm Thanh Nhân Thành viên	954.365.342	954.365.341
Đồng Thị Kim Ngân Thành viên không chuyên trách	190.873.068	190.873.071
Thù lao người đại diện vốn	78.300.000	133.200.000
Ông Lâm Thành Được Phó Tổng Giám đốc	60.000.000	60.000.000
Ông Trần Chí Hùng Chủ tịch	12.600.000	50.400.000
Bà Trần Đỗ Thị Mỹ Linh Kế toán trưởng	5.700.000	22.800.000
	7.710.456.466	8.207.960.716

7.1.2 Giao dịch và số dư với các bên liên quan khác

Các bên liên quan khác với Công ty bao gồm: các cá nhân có quyền trực tiếp hoặc gián tiếp biểu quyết ở Công ty và các thành viên mật thiết trong gia đình của họ, các doanh nghiệp do các nhân viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có quyền trực tiếp hoặc gián tiếp biểu quyết của Công ty và các thành viên mật thiết trong gia đình của họ.

448995-
CÔNG TY
TRÁCH NHIỆM HỮU
HẠN KIỂM TOÁN
C VIỆT NAM
CHỈ NHÃN
CẦN THƠ
KIÊN GIANG-TP.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Giao dịch với các bên liên quan khác

Công ty chưa phát sinh giao dịch bán hàng hóa và cung cấp dịch vụ với công ty đầu tư.

Công ty chưa phát sinh giao dịch phát sinh mua, bán hàng hóa và cung cấp dịch vụ với các bên liên quan khác.

Cam kết bảo lãnh

Tại ngày kết thúc năm tài chính, Công ty không có cam kết bảo lãnh nghĩa vụ tài chính cho các bên liên quan khác.

7.1.3 Một số chỉ tiêu đánh giá khái quát tình hình hoạt động của doanh nghiệp

Chỉ tiêu	Đơn vị tính	Năm nay VND	Năm trước VND
1. Bố trí cơ cấu tài sản và cơ cấu nguồn vốn			
1.1 Bố trí cơ cấu tài sản			
- Tài sản ngắn hạn/ Tổng tài sản	%	90,02	89,76
- Tài sản dài hạn/ Tổng tài sản	%	9,98	10,24
1.2 Bố trí cơ cấu nguồn vốn			
- Nợ phải trả/ Tổng nguồn vốn	%	56,58	57,97
- Nguồn vốn chủ sở hữu/ Tổng nguồn vốn	%	43,42	42,03
2. Khả năng thanh toán			
2.1 Khả năng thanh toán hiện hành	lần	1,77	1,72
2.2 Khả năng thanh toán nợ ngắn hạn	lần	2,67	2,40
2.3 Khả năng thanh toán nhanh	lần	2,26	1,95
2.4 Khả năng thanh toán nợ dài hạn	lần	-	-
3. Tỷ suất sinh lời			
3.1 Tỷ suất lợi nhuận trên doanh thu			
- Tỷ suất lợi nhuận trước thuế trên doanh thu	%	14,40	14,21
- Tỷ suất lợi nhuận sau thuế trên doanh thu	%	11,54	11,37
3.2 Tỷ suất lợi nhuận trên tổng tài sản			
- Tỷ suất lợi nhuận trước thuế trên tổng tài sản	%	43,49	41,60
- Tỷ suất lợi nhuận sau thuế trên tổng tài sản	%	34,84	33,29
3.3 Tỷ suất lợi nhuận sau thuế trên nguồn vốn chủ sở hữu	%	80,23	79,22

7.2 Các sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc năm tài chính

Không có sự kiện nào phát sinh sau ngày kết thúc năm tài chính yêu cầu phải điều chỉnh số liệu hoặc công bố trong Báo cáo tài chính tổng hợp.

TRẦN THANH MINH
Người lập biểu

TRẦN THỊ ANH THƯ
Kế toán trưởng

LÂM MINH ĐẠO
Tổng Giám đốc
Kiên Giang, ngày 05 tháng 02 năm 2025